



jīn bì
金币

noun · gold coin

Example Sentences

tā zài xiāng zi lǐ fā xiàn le yī méi gǔ lǎo de jīn bì
他在箱子里发现了一枚古老的金币。

He found an ancient gold coin in the box.

yóu xì lǐ kě yǐ yòng jīn bì gòu mǎi zhuāng bèi
游戏里可以用金币购买装备。

In the game, you can buy equipment with gold coins.

Trace each character, then write the word on your own.

金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金
币	币	币	币	币	币	币				